

Bản án số: 08/2024/HS-ST  
Ngày 26-01-2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Hoàng Huy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Nguyễn Thị Hạnh.
- Ông Bá Đình Tâm.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lâm Hoàng Bảo Vân là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:* Ông Tản Đình Thống - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2024/TLST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

**Hồ Trọng T**, sinh ngày 24 tháng 5 năm 1979 tại tỉnh Bình Thuận; Nơi cư trú: **Khu phố L, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Thuận**; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Hồ Văn Ú** (đã chết) và bà **Trần Thị H**; có vợ là **Vòng Sau L** và 02 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; tại ngoại, có mặt.

- *Bị hại:*

- Ông K' **T1**, sinh năm 1962 (có mặt)
- Anh K' Đ, sinh năm 1993 (có mặt)

Cùng địa chỉ: **Thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận**.

- *Người làm chứng:* Anh **Trần Ngọc V1**, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: **Thôn A, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận**.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 17/8/2023, bị cáo **Hồ Trọng T** điều khiển xe mô tô biển số 85R2-9863, nhãn hiệu Win, màu đen đi từ nhà ở **khu phố L, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Thuận** đến làng cũ thuộc **thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận** với mục đích tìm kiếm người dân nào bán con bò thì thu mua về bán kiếm lời. Khi đi ngang qua vườn rẫy trồng cây điều của nhà ông **K' T1** thì bị cáo **T** nhìn thấy 01 con bò đực, lông màu đỏ nhạt, đầu đốm đen, hai sừng dài 15cm, 03 năm tuổi, có cân nặng khoảng 150 kg hơi của ông **T1** đang cột tại gốc cây điều, không có người trông coi và bị cáo **T** tiếp tục chạy xe mô tô đến khu vực đồng ruộng cách chỗ vườn điều của ông **T1** khoảng 01 km nhìn thấy 01 con bò cái có lông màu trắng nâu, chưa có sừng, 1,5 năm tuổi, có cân nặng khoảng 100 kg hơi của anh **K' Đ** đang chăn thả ở đây, không có người trông coi nên **T** nảy sinh ý định lấy trộm 02 con bò có đặc điểm nêu trên. Bị cáo **T** gọi điện thoại thuê anh **Trần Ngọc V1** (là người làm nghề chạy xe ba gác) đến **thôn B, xã P** để chở con bò cho **T** với số tiền 300.000 đồng/01 con bò, **V1** nghĩ bị cáo **T** thuê chở 02 con bò do **T** mua của người dân ở đây và không nghĩ đến việc do **T** trộm cắp nên **V1** đồng ý chạy xe ba gác chở bò thuê cho **T**. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày 17/8/2023, **V1** chạy xe ba gác đến làng cũ thuộc **thôn B, xã P** thì bị cáo **T** đi ra đón và chỉ đường cho **V1** chạy xe ba gác đến vườn điều của nhà ông **T1**, rồi bị cáo **T** mở cổng rào lưới B40 ra và bảo **V1** đi vào tháo dây và dắt 01 con bò đực có lông màu đỏ nhạt của ông **T1** đang cột tại gốc cây điều ra, đưa lên xe ba gác của **V1**. Sau khi đưa 01 con bò đực lên xe gác thì bị cáo **T** tiếp tục chỉ đường cho **V1** chạy xe ba gác chở 01 con bò đực đến khu vực đồng ruộng để chở thêm 01 con bò cái tơ có lông màu trắng của anh **Đ** đang chăn thả ở đây và chỉ con bò cái trên để **V1** dắt lên xe ba gác. Sau khi đưa 02 con bò có đặc điểm nêu trên lên xe ba gác, bị cáo **T** bảo **V1** chạy xe ba gác chở 02 con bò trên đến chòi rẫy của bị cáo **T** ở khu vực **xã S, huyện B, tỉnh B** để cho bị cáo **T** trông coi và tìm người tiêu thụ. Đến khoảng 02 - 03 ngày sau, có 01 người đàn ông chạy xe ô tô tải (không rõ biển số) đến mua con bò của người hàng xóm bên cạnh nên bị cáo **T** đã bán 02 con bò trên cho 01 người đàn ông này (không rõ nhân thân, lai lịch) với số tiền 11.000.000 đồng. Số tiền này, bị cáo **T** dùng tiêu xài cá nhân và trả tiền thuê chở con bò cho **V1** 600.000 đồng.

Đến khoảng 08 giờ ngày 18/8/2023, ông **K' T1** và anh **K' Đ** đi lên chòi rẫy để chăn bò thì không thấy 02 con bò có đặc điểm nêu trên nên có báo gia đình cùng tổ chức đi tìm kiếm nhưng không thấy. Đến ngày 21/8/2023, ông **T1** và anh **Đ** đến **Công an xã P** báo vụ việc mất trộm 02 con bò trên. Sau khi nhận được tin báo, **Công an xã P** đã tiến hành xác minh sơ bộ ban đầu, kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc, ghi lời khai người tố giác, người có liên quan. Xét thấy: Vụ việc trên có dấu hiệu của tội phạm nên **Công an xã P** đã chuyển hồ sơ vụ, việc trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện B** theo thẩm quyền.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 69/2023/BB-HĐĐGTS ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự **huyện B** kết luận:

1. 01 con bò đực có lông màu đỏ nhạt, đầu đốm đen, hai sừng dài 15cm, được 03 năm tuổi, có cân nặng 150 kg hơi, tại thời điểm ngày 17/8/2023, trị giá 10.200.000 đồng.

2. 01 con bò cái tơ có lông màu trắng nâu, chưa có sừng, được 1,5 năm tuổi, có cân nặng 100 kg hơi, tại thời điểm ngày 17/8/2023, trị giá 6.800.000 đồng.

Tổng cộng: (1+2) = 17.000.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án:

Bị cáo **Hồ Trọng T** lấy trộm 02 con bò có đặc điểm nêu trên của ông K' T1, anh K' Đ và đã bán 02 con bò trên cho 01 người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) nên không có căn cứ thu hồi và đề nghị xử lý.

Qua điều tra xác định: Xe mô tô biển số 85R2-9863, nhãn hiệu Win, màu đen là của bị cáo **Hồ Trọng T** dùng làm phương tiện đi lại; xe ba gác (không biển số) là của anh **Trần Ngọc V1** và anh **V1** dùng chiếc xe ba gác này chở 02 con bò không biết là do **T** phạm tội mà có. Do đó, xe mô tô và xe ba gác trên không phải là phương tiện phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện B** không thu hồi và đề nghị xử lý.

Về phần dân sự: Sau khi vụ việc trên bị phát hiện, bị cáo **T** bồi thường cho ông **T1** 01 con bò đực có cân nặng tương tự như con bò mà bị cáo **T** lấy trộm của ông **T1** và thêm số tiền 3.000.000 đồng; bị cáo **T** bồi thường cho anh **Đ** 01 con bò cái tơ có cân nặng tương tự như con bò mà **T** lấy trộm của anh **Đ** và thêm số tiền 1.000.000 đồng. Sau khi ông **T1**, anh **Đ** đã nhận con bò và số tiền như thỏa thuận thì ông **T1**, anh **Đ** đã làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt và không có yêu bồi thường gì khác.

*\*Tại Cáo trạng số 08/CT-VKSBB ngày 29/12/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận truy tố bị cáo **Hồ Trọng T** về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.*

***- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận phát biểu quan điểm:***

Giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo **Hồ Trọng T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Hồ Trọng T** mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng.

Về dân sự: Bị cáo **T** đã bồi thường đầy đủ cho ông **T1**, anh **Đ**. Ông **T1**, anh **Đ** đã làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt và không có yêu bồi thường gì khác nên không xem xét, giải quyết.

- *Ý kiến của bị cáo:* Bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- *Ý kiến của bị hại:* Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Hội đồng xét xử nhận thấy:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 17/8/2023, tại vườn điều của ông K' T1 thuộc làng cũ ở **thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận**, khi phát hiện 01 con bò đực, lông màu đỏ nhạt, đầu đốm đen, hai sừng dài 15cm, 03 năm tuổi, có cân nặng khoảng 150 kg hơi trị giá 10.200.000 đồng của ông K' T1 đang cột tại gốc cây điều không có người trông coi, bị cáo **Hồ Trọng T** đã lén lút chiếm đoạt con bò này của ông K' T1. Tiếp đó, bị cáo **T** lại đi đến khu vực đồng ruộng cách chỗ vườn điều của ông **T1** khoảng 01 km rồi lén lút chiếm đoạt 01 con bò cái có lông màu trắng nâu, chưa có sừng, 1,5 năm tuổi, có cân nặng khoảng 100 kg hơi trị giá 6.800.000 đồng của anh K' Đ, tổng giá trị tài sản mà bị cáo **T** chiếm đoạt là 17.000.000 đồng.

Như vậy, hành vi của bị cáo **Hồ Trọng T** đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đúng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình truy tố bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo **T** thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông K' **T1** và anh K' Đ, hai hành vi này độc lập với nhau về mặt thời gian, địa điểm, chủ thể quản lý tài sản, đồng thời mỗi lần thực hiện hành vi trộm cắp của bị cáo **T** đều cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” và mỗi hành vi đó đều chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự hay hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên bị cáo **T** phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo **T**

thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường thiệt hại cho các bị hại; các bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; nhân thân không có tiền án, tiền sự nên bị cáo **T** được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Hội đồng xét xử nhận thấy hành vi phạm tội của bị cáo **Hồ Trọng T** là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Do đó cần phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm để răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy, sau khi vụ án xảy ra, bị cáo **T** đã bồi thường cho ông **T1** 01 con bò đực, bồi thường cho anh **Đ** 01 con bò cái tơ đều có cân nặng tương tự như các con bò mà bị cáo **T** lấy trộm của ông **T1**, anh **Đ** và còn bồi thường thêm cho ông **T1** số tiền 3.000.000 đồng, bồi thường thêm cho anh **Đ** số tiền 1.000.000 đồng, thể hiện thiện chí tự nguyện bồi thường và tinh thần trách nhiệm của bị cáo đối với hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra; quá trình điều tra các bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; tại phiên tòa, các bị hại cũng tha thiết xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; nhân thân bị cáo không có tiền án tiền sự; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự nhưng bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; mặt khác, bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” nhưng các lần phạm tội đều là tội phạm ít nghiêm trọng; bị cáo có khả năng tự cải tạo nên bị cáo hội đủ các điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 2, Điều 3 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và Điều 1 của Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết xử phạt tù bị cáo mà cho bị cáo được hưởng án treo với thời gian thử thách nhất định, giao bị cáo về chính quyền địa phương quản lý, giáo dục cũng đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục bị cáo và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[6] Đối với anh **Trần Ngọc V1**: Anh **V1** làm nghề chạy xe ba gác, bị cáo **T** thuê anh **V1** dùng xe ba gác của mình chở 02 con bò trộm cắp nêu trên, anh **V1** không biết 02 con bò nêu trên là do bị cáo **T** trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện B** không đề nghị xử lý anh **V1** là có căn cứ.

[7] Đối với 01 người đàn ông mà bị cáo **Hồ Trọng T** khai mua 02 con bò do bị cáo **T** trộm cắp mà có: Do không rõ nhân thân lai lịch nên Cơ quan Cảnh

sát điều tra Công an huyện B tiếp tục xác minh làm rõ, nếu có căn cứ đề nghị xử lý sau là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo T đã bồi thường đầy đủ cho ông K' T1 và anh K' Đ. Ông K' T1 và anh K' Đ không có yêu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về vật chứng:

Xe mô tô biển số 85R2-9863, nhãn hiệu Win, màu đen là của bị cáo Hồ Trọng T dùng làm phương tiện đi lại; xe ba gác (không biển số) là của anh Trần Ngọc V1 và anh V1 dùng chiếc xe ba gác này chở 02 con bò không biết là do bị cáo T phạm tội mà có. Do đó, xe mô tô và xe ba gác không phải là phương tiện phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B không thu hồi và đề nghị xử lý là có căn cứ.

[10] Về án phí: Bị cáo Hồ Trọng T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Bị cáo Hồ Trọng T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Hồ Trọng T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/01/2024).

Giao bị cáo Hồ Trọng T cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Thuận để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định.

Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Hồ Trọng T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án (26/01/2024).

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Thuận (trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật);
- VKSND huyện Bắc Bình;
- Công an huyện Bắc Bình;
- Chi cục THADS huyện Bắc Bình;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Đỗ Hoàng Huy**